TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2023
"V/v Ly hôn giữa bà H và ông E"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trầm Thị Cẩm H**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp R, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Ông Trần Thông E,** sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp R, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Trầm Thị Cẩm H trình bày như sau:

Bà Trầm Thị Cẩm H (Viết tắt là bà H) kết hôn với ông Trần Thông E (Viết tắt là ông E) vào ngày 11/5/2007 tại UBND xã T A trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông E có quan hệ ngoại tình với người khác, thường xuyên hành hung đánh đập vợ, bà H đã phải chịu đựng

chồng trong thời gian dài. Hành vi của ông E cũng đã được gia đình cha mẹ bên chồng can thiệp nhưng không có kết quả. Cách nay hơn một năm ông E đã bán hết tài sản gia đình và công khai sống với người phụ nữ khác và từ đó đến đến nay vợ chồng ly thân nhưng ông E, vẫn luôn đe dọa bà H. Đến nay bà H xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bà H muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn để thoát khỏi sự hành hạ đánh đập và hăm dọa của chồng.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có hai con chung là Trần Thị M, sinh ngày 08/4/1997 và Trần Thị Ngọc G sinh ngày 06/01/2002. Hiện các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Bà H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Trần Thông E vắng mặt không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Trầm Thị Cẩm H.

Việc thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Trích lục kết hôn (Bản chính); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); giấy khai sinh của con chung vợ chồng (bản công chứng); Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn ông E vắng mặt tai phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà H ly hôn với ông E; về con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bị đơn - ông E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông E.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Bà H yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông E nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn".

Bà H và ông Echung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện An tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua ý kiến trình bày của bà H và việc xác minh từ địa phương thể hiện trong quá trình chung sống giữa bà H và ông E đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông E thường có hành vi bạo lực hành hung vợ, không chung thủy với vợ gia đình không yên ấm hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện khi không ai mong muốn hàn gắn hôn nhân và đã tự ly thân nhau hơn một năm nay. Tòa án đã nhiều lần mở cuộc hòa giải đoàn tụ nhưng ông E không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H ly hôn với ông E**.**

Về con chung: Bà H và ông E có hai con chung là Trần Thị M, sinh ngày 08/4/1997 và Trần Thị Ngọc G, sinh ngày 06/01/2002. Hiện các con chung của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà H là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trầm Thị Cẩm H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trầm Thị Cẩm H và ông Trần Thông E.

2. Về con chung: Các con chung của ông bà là Trần Thị M, sinh ngày 08/4/1997 và Trần Thị Ngọc G, sinh ngày 06/01/2002 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003954 ngày

02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Trầm Thị Cẩm H đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T A;
- Lưu, HS, VP.